

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671006 - Toán ứng dụng 2

STC : 3(45,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thanh	Hoàng	3571010143	05/03/1993	5,80	4,50	4,90	
2	Trần Quốc	Việt	3671010091	14/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
3	Nguyễn Anh	Kiệt	3671040043	14/10/1994	5,00	5,00	5,00	
4	Đào Nguyên	Cát	3671040058	28/08/1994	3,00	4,00	3,70	
5	Trần Văn	Duân	3671040068	06/02/1994	4,50	4,30	4,40	
6	Trần Đình	Nam	3671040078	29/12/1994	5,30	5,00	5,10	
7	Nguyễn Thế Minh	Khôi	3671040081	27/10/1994	,00	,00	,00	
8	Nguyễn Cao	Huy	3671040082	27/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
9	Nguyễn Đức	An	3671040084	05/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
10	Nguyễn Quang	Thái	3671040092	11/12/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
11	Phạm	Lợi	3671040193	19/03/1994	,00	,30	,20	
12	Nguyễn Tấn	Tinh	3671040197	19/03/1994	4,00	4,00	4,00	
13	Nguyễn Thanh	Tùng	3671040226	02/04/1994	4,00	4,00	4,00	
14	Lê Thanh	Hải	3671040237	12/01/1994	7,00	4,50	5,30	
15	Nguyễn Tiến	Sỹ	3671040284	09/01/1994	4,00	5,30	4,90	
16	Phùng Văn	Sang	3671040350	25/04/1994	5,00	2,50	3,30	
17	Nguyễn Tùng	Chinh	3671040372	27/12/1994	,00	,00	,00	
18	Nguyễn Minh	Quang	3671040386	14/07/1994	5,50	6,00	5,90	
19	Hồ Công	Tuấn	3671040457	13/10/1994	,00	,00	,00	
20	Nguyễn Tuấn	Duy	3671040508	14/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
21	Nguyễn Nhật	Minh	3671040535	09/04/1994	5,00	5,00	5,00	
22	Trương Thanh	Bình	3671040560	18/06/1994	5,30	5,00	5,10	
23	Đào Gia	Bảo	3671040641	26/07/1994	4,00	5,00	4,70	
24	Trần Hiếu	Nhân	3671040690	29/04/1994	7,00	7,50	7,40	
25	Nguyễn Tiến	Dũng	3671040702	16/08/1993	,00	,00	,00	
26	Tạ Văn	Hóa	3671040736	01/10/1993	4,80	5,00	4,90	
27	Trần Thanh	Giang	3671040843	02/05/1994	,00	,00	,00	
28	Vũ Sơn	Hải	3671040857	14/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
29	Trang Thanh	Trung	3671040936	25/08/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
30	Lê Công	Triệu	3671040959	14/05/1994	4,00	4,00	4,00	
31	Bùi Duy	Khánh	3671040997	23/07/1994	,00	,00	,00	
32	Nguyễn Hữu	Cảnh	3671041110	07/10/1994	4,80	4,30	4,50	
33	Nguyễn Minh	Trai	3671041131	00/01/1900	4,50	4,30	4,40	
34	Trần Anh	Dũng	3671041133	03/10/1994	4,00	3,00	3,30	
35	Nguyễn Văn	Cường	3671041188	22/10/1994	,00	,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Hoàng	Phúc	3671041572	20/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HP
37	Trần Ngọc	Thành	3671041602	23/08/1994	4,00	4,50	4,40	
38	Phạm Sơn	Hùng	3671041641	02/04/1994	6,00	2,30	3,40	
39	Nguyễn Duy	Khánh	3671041838	13/10/1994	,00	,00	,00	
40	Bùi Lê Tuấn	Phong	3671041850	07/01/1994	4,80	4,50	4,60	
41	Trần Khải	Cường	3671041895	21/05/1993	4,00	3,00	3,30	
42	Nguyễn Công	Thanh	3671041906	02/12/1993	7,00	3,50	4,60	
43	Lê Tiến	Thắng	3671041940	20/06/1992	,00	,00	,00	Nợ HP
44	Lê Tiến	Thắng	3671041945	20/06/1992	6,00	5,00	5,30	
45	Nguyễn Đức	Linh	3671041948	18/03/1994	4,00	1,30	2,10	
46	Nguyễn Hữu	Nam	3671041956	08/11/1994	6,00	2,00	3,20	
47	Phạm Mạc Quang	Khuê	3671041997	13/08/1994	4,00	2,00	2,60	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)